

Bản án số: 06/2018/HNGD-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Tọt

Ông Lù Văn Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST-HN&GD ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Họ và tên: Phạm B A; sinh năm: 1996.
- Nơi cư trú: Đội 3, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Họ và tên: Phạm Q H; sinh năm: 1989.
- Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 07/5/2018; tại bản tự khai ngày 17/5/2018 nguyên đơn chị Phạm B A trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Phạm Q H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào ngày 11/8/2015. Trước khi kết hôn hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm. Một thời gian sau đó, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, do chồng tôi thường xuyên cờ bạc, rượu chè bỏ bê vợ con. Từ ngày 18/5/2016 đến nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Q H.

Về con chung: Tôi và anh Phạm Q H có 01 người con chung là cháu Phạm G H, sinh ngày 26/2/2016, hiện cháu đang sống cùng với tôi. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn, tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G H đến khi cháu G H đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh H không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 10/5/2018, Tòa án nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2, đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết công khai nH bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại 02 buổi hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ, bị đơn không nhận nên Tòa án niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 04/7/2018, Nguyên đơn là chị Phạm B A vắng mặt có lý do (Có đơn xin vắng mặt), bị đơn là anh Phạm Q H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 20/7/2018.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Phạm B A vắng mặt có lý do (Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn là anh Phạm Q H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị A và anh H.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân:** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/5/2018, Bản tự khai ngày 17/5/2018 và đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm B A. Hội đồng xét xử thấy: Chị A và anh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, Huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/8/2015. Trước khi kết hôn hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, đầm ấm. Một thời gian sau đó, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, do anh H thường xuyên cờ bạc,

rượu chè bỏ bê vợ con. Từ ngày 18/5/2016 đến nay anh chị đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm B A. Tuyên xử cho chị Phạm B A được ly hôn với anh Phạm Q H.

*** Về con chung:** Chị Phạm B A và anh Phạm Q H có một người con chung là cháu Phạm G H, sinh ngày 26/2/2016, hiện cháu đang sống cùng với chị A. Chị A có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G H đến khi cháu G H đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu G H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị A về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Chị A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm B A: Chị Phạm B A được ly hôn anh Phạm Q H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm G H, sinh ngày 26/2/2016 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu G H đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm B A phải chịu 300.000đ Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000đ , theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AB/2010/01764 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện M - tỉnh Điện Biên. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Mường Ảng.
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phương

